

Bản án số: 10/2020/HSST
Ngày: 26-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quân; ông Nghiêm Văn Luyến.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2020/TLST-HS ngày 14/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 12/02/2020 đối với các bị cáo:

1/ Phạm Hồng Đ - Sinh ngày 02/02/2000; sinh trú quán tại: Xóm 4, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ con; tiền án: 01: Ngày 09/8/2017, bị TAND huyện Nga Sơn xử phạt 30 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Cướp tài sản theo Bản án số 15/2017/HSST; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2019 đến nay - Có mặt.

2/ Trịnh Văn Th - Sinh ngày 18/6/2000; sinh trú quán tại: Xóm 4, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T và bà Mai Thị D; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2019 đến nay - Có mặt.

- Người bị hại:

1/ Chị Đào Thị Kh - Sinh năm: 1969 - Địa chỉ: Xóm 6, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt.

2/ Anh Hoàng Văn Th - Sinh năm: 1975 - Địa chỉ: Thôn Phú Nham, xã V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Bá T - Sinh năm: 1968 - Địa chỉ: Xóm Nhân Sơn, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt.

2/ Anh Trần Văn H - Sinh năm: 1981 - Địa chỉ: Xóm 5, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người làm chứng: Anh Mai Văn D- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ sáng ngày 13/11/2019, sau khi đi chơi điện tử ở xóm 6, xã Th, huyện N, Phạm Hồng Đ cùng với Trịnh Văn Th rủ nhau đi bộ đến nhà anh Mai Văn T (sinh năm 1989 ở xóm 1, xã T) với mục đích xin anh T ma túy để sử dụng. Tuy nhiên anh T không có nhà, Th và Đ đi bộ đến hiệu thuốc của anh Phạm Hồng N (ở xóm 1, xã Th, huyện N) hỏi mua kim tiêm chờ khi có ma túy thì sử dụng. Do hiệu thuốc đóng cửa nên Đ đi lại tảng đá cách hiệu thuốc khoảng 50 mét (về hướng Nam) ngồi, còn Th đi bộ ra cánh đồng còi phía Bắc hiệu thuốc chơi.

Đến khoảng 08 giờ 30 cùng ngày, chị Đào Thị Kh, sinh năm 1969, ở xóm 6, xã L, huyện N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đen bạc, BKS 36P7-6085 từ nhà ở xóm 6, xã L đến nhà anh Phạm Hồng N (là cháu chị Kh). Khi đến nơi, chị Kh dựng xe mô tô trước quầy thuốc tây nhà anh N rồi vào trong khu bếp của gia đình anh N. Lúc này, Th quay lại hiệu thuốc nhà anh N, nhìn thấy chiếc xe mô tô màu đen bạc, nhãn hiệu Sirius, BKS 36P7-6085 đang dựng trước quầy thuốc. Th tiến lại chỗ chiếc xe mô tô, ngồi lên xe soi gương nắn mụn. Quan sát thấy không có người, Th nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này để bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Th lấy trong túi quần 02 chìa khóa, Th nhặt được khi đi trên đường, đưa vào ổ khóa xe mô tô, Th vận một lúc thì mở được khóa cổ xe mô tô, tuy nhiên không mở được khóa điện. Vì vậy, Th đã dắt xe mô tô đi bộ theo đường bờ sông về hướng xã Th. Đi được khoảng 50 mét thì Th dừng lại, vẫy tay có ý gọi Đ đến giúp mình. Là người nghiện ma túy nhưng không có tiền mua, nên khi thấy Th dắt xe mô tô dựng trước hiệu thuốc, Đ hiểu là Th đang trộm cắp chiếc xe đó, do đó khi Th vẫy tay, Đ đến ngay. Đ dùng tay vận mở khóa nhưng không được, Th lại tiếp tục dùng tay mở, sau vài lần thì mở được khóa điện. Th nổ máy điều khiển xe chở Đ đi tìm nơi bán, đi được một đoạn thì Đ điều khiển xe mô tô chở Th đi theo đường bờ sông hướng đi xã Th – L – T – A. Đến quán sửa xe máy của anh Mai Văn Dũng, sinh năm 1984 ở xóm 5, xã A, huyện N, Th bảo Đ dựng xe lại rồi đi vào trong quán mượn cờ lê tháo biển số xe và 02 gương xe ra nhằm tránh bị phát hiện. Hai gương xe Th bỏ ở quán, còn biển số xe thì Đ cầm, khi đi đến khu vực gần nhà thờ Chính Nghĩa (thuộc xã P) thì Đ bỏ biển số xe vào bụi tre. Th và Đ đi đến quán mua bán, sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1968 (ở xóm Nhân Sơn, xã P) để hỏi bán xe. Anh T hỏi giấy tờ xe thì Th trả lời không có, đồng thời Th nói đây là xe của nhà, nếu anh mua thì chúng tôi viết giấy tờ. Anh T đồng ý mua chiếc xe với giá 3 triệu đồng. Th viết giấy mua bán xe (nhưng ghi tên là Mai Văn Th và Đ ký tên Trần Văn Đ). Anh T cho thêm Th và Đ 200.000đ để Th và Đ thuê xe taxi đi về. Có tiền, Th và Đ đi taxi đến huyện H mua ma túy để sử dụng. Sau đó cùng bắt xe khách đi Hải Phòng chơi và sử dụng hết số

tiền bán xe vào sinh hoạt cá nhân. Khoảng 11 giờ cùng ngày, chị Kh đi ra lấy xe thì phát hiện chiếc xe đã bị mất, chị Kh đã trình báo Công an huyện Nga Sơn.

Ngày 16/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn tiếp nhận tố giác của anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1975, ở xã V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa về việc bị một nam thanh niên ở xóm 4, xã T lừa lấy một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 36R1-2577. Qua xác minh ban đầu xác định nam thanh niên đó là Phạm Hồng Đ nên ngày 17/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn triệu tập Phạm Hồng Đ để làm việc. Trong quá trình làm việc, Đ đã tự thú với Cơ quan CSĐT về hành vi cùng với Trịnh Văn Th trộm cắp chiếc xe mô tô Yamaha Sirius ở trước quây thuốc tây thuộc xóm 1, xã Th, huyện N cũng như hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 36R1-2577 của anh Hoàng Văn Th vào ngày 16/11/2019. Trịnh Văn Th cũng đã tự thú với Cơ quan CSĐT về hành vi trộm cắp tài sản của bản thân.

Khi được triệu tập làm việc, biết chiếc xe mua của Th và Đ là tài sản do trộm cắp mà có nên anh Nguyễn Bá T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe BKS 36P7-6085 cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 19/11/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Nga Sơn kết luận, tại thời điểm bị trộm cắp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, BKS 36P7-6085, đã cũ, có giá trị 7.200.000đ.

Quá trình điều tra xác định, khi thỏa thuận bán xe cho anh Nguyễn Bá T, Th và Đ không nói nguồn gốc chiếc xe nên anh T không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn không xử lý đối với anh T là phù hợp

Ngày 03/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, BKS 36P7-6085 mà Th và Đ trộm cắp cho chị Đào Thị Kh, sau khi nhận lại tài sản, chị Kh không có yêu cầu gì. Do đã tháo một số phụ tùng của chiếc xe bán cho người qua đường nên anh T đã tự nguyện bồi hoàn cho chị Kh số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Gia đình Trịnh Văn Th đã bồi hoàn cho anh T 2.000.000đ (*hai triệu đồng*). Số tiền còn lại 1.200.000đ (*một triệu hai trăm nghìn đồng*) anh T yêu cầu Đ trả lại.

Vụ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Sau thời gian cùng Th chơi tại thành phố Hải Phòng, ngày 16/11/2019, Đ đi xe khách từ Hải Phòng về nhà, khi xe khách đến nút giao thông Quốc lộ 1A và Quốc lộ 508B, thuộc địa phận thị trấn Lèn, huyện H thì xuống xe. Đ thuê anh Hoàng Văn Th - làm nghề chở xe ôm, chở Đ về nhà ở xóm 4, xã T với giá thỏa thuận là 90.000đ. Khi tới nhà Đ thì không có ai ở nhà (Đ sống cùng bố đẻ là anh Phạm Văn Minh), trong khi Đ không có tiền nên đã mời anh Th vào nhà uống nước chờ bố mình về để xin tiền trả tiền xe ôm. Khoảng 20 phút, chưa thấy bố về nên Đ đã hỏi mượn xe của anh Th để trực tiếp đi tìm. Anh Th tin tưởng nên đã đưa chìa khóa cho Đ mượn xe. Đ điều khiển xe mô tô màu đỏ xám, nhãn hiệu Honda Wave BKS 36R1-2577 mượn của anh Th đi tìm bố, nhưng không thấy, lúc này bản thân không có tiền trả cho anh Th, đồng thời Đ cũng muốn có tiền mua ma túy sử dụng nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh Th. Đ đã điều khiển xe

đến nhà anh Trần Văn H (sinh năm 1981, ở xã L) để hỏi vay 1.000.000đ (một triệu đồng), anh H đồng ý cho Đ vay tiền (vì là người quen) với điều kiện Đ phải để lại chiếc xe làm tin, khi nào trả tiền thì lấy lại xe, lúc này khoảng hơn 12 giờ cùng ngày. Có được 1.000.000đ (một triệu đồng), Đ đi nhờ xe đến thị trấn Nga Sơn sau đó thuê taxi đi thị trấn Hà Trung mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Để tránh mặt không trả lại tài sản cho anh Th, Đ đi chơi điện tử đến 01 giờ ngày 17/11/2019 mới về nhà.

Làm việc với Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn, biết chiếc xe Đ gửi lại nhà mình để vay tiền là tài sản do chiếm đoạt mà có nên anh Trần Văn H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô BKS 36R1-2577 cho Cơ quan CSĐT và yêu cầu Đ trả lại số tiền đã vay.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 25/11/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Nga Sơn kết luận, tại thời điểm bị trộm cắp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 36R1-2577, đã qua sử dụng, có giá trị 6.200.000đ.

Ngày 17/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn đã trả lại chiếc xe mô tô màu đỏ xám, nhãn hiệu Honda Wave BKS 36R1-2577 mà Đ đã chiếm đoạt cho anh Hoàng Văn Th, sau khi nhận lại tài sản, anh Th không có yêu cầu gì.

Từ những hành vi trên, Cáo trạng số 06/CT-VKSNS-KT ngày 13/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Phạm Hồng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 BLHS; Trịnh Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố: Phạm Hồng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Trịnh Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 175; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với Phạm Hồng Đ; áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b, i, s, r khoản 1 Điều 51 đối với Trịnh Văn Th.

- Xử phạt: Phạm Hồng Đ: Từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt từ 27 đến 33 tháng tù. Tổng hợp với 30 tháng tù của Bản án số 15/2017/HSST ngày 09/8/2017 của TAND huyện Nga Sơn mà Đ đang được hưởng án treo, buộc Đ phải chấp hành hình phạt tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/11/2019. Trịnh Văn Th từ 06 đến 09 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/11/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc Phạm Hồng Đ phải trả cho anh Nguyễn Bá T số tiền 1.200.000đ; trả cho anh Trần Văn H số tiền 1.000.000đ.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 13/11/2019, Trịnh Văn Th và Phạm Hồng Đ đi bộ đến hiệu thuốc tây của gia đình anh Phạm Hồng N ở xóm 1, xã Th để mua kim tiêm sử dụng ma túy. Lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của chị Đào Thị Kh khi dựng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, BKS 36P7-6085 có giá trị 7.200.000đ trước hiệu thuốc để đi vào trong nhà anh N. Th đã lên lút mở khóa cổ của xe dắt đi, sau đó gọi Đ lại. Cả hai vặn mở khóa điện, Th điều khiển xe mô tô chở Đ đi bán cho anh Nguyễn Bá T ở xóm Nhân Sơn, xã P với giá 3.000.000đ và cho thêm 200.000đ. Số tiền bán được xe, Th và Đ cùng nhau mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết. Như vậy, hành vi lợi dụng sự chủ quan, sơ hở của chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng tài sản để trộm cắp tài sản có giá trị 7.200.000đ của bị cáo Đ và bị cáo Th đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Khoảng 12 giờ ngày 16/11/2019, Phạm Hồng Đ đã lợi dụng sự tin tưởng của anh Hoàng Văn Th khi chở Đ từ huyện H về nhà Đ ở xóm 4, xã T. Đ đã mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 36R1-2577 có giá trị 6.200.000đ để tìm bố nhưng không tìm được. Đ mang xe mô tô đến quán sửa chữa xe của anh H, vay anh H số tiền 1.000.000đ và cầm cổ xe ở đó. Nhận tiền xong Đ mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Như vậy, hành vi lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng tài sản để chiếm đoạt tài sản có giá trị 6.200.000đ của bị cáo Đ đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Đối với hành vi trộm cắp tài sản: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không bàn bạc, phân công nhiệm vụ trước mà cả hai bị cáo cùng hiểu ý nhau và cùng thực hành. Nhưng xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: Cả bị cáo Đ và bị cáo Th cùng thực hiện hành vi trộm cắp, cùng tích cực lấy tài sản trộm cắp được, cùng đi tiêu thụ, cùng mua ma túy về sử dụng và tiêu sài cho bản thân, nhưng bị cáo Th là người khởi xướng, thực hành tích cực, là người lấy xe nên Th giữ vai trò thứ nhất; còn bị cáo Đ có vai trò là người giúp sức cùng bị cáo Th thực hiện hành vi trộm cắp.

Đối với hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Do mình bị cáo Đ thực hiện, mang đi cầm lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết, nên bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội này của mình.

Về hậu quả đối với xã hội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu của công dân, xâm phạm trật tự an

toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS):

Đối với bị cáo Đ ngoài lần trộm cắp cùng với bị cáo Th, bị cáo Đ còn độc lập thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, mặt khác bị cáo Đ còn có 01 tiền án về tội "Cướp tài sản" chưa được xóa án tích không lấy đó làm bài học sửa chữa lỗi lầm nay lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm đây là tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS là: Thành khẩn khai báo và tự thú được quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo Th: Bị cáo Th không có tình tiết tăng nặng TNHS; bị cáo Th có những tình tiết giảm nhẹ TNHS là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo và tự thú được quy định tại điểm b, i, s, r khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt:

Từ những nhận xét trên HĐXX nghĩ cần lên cho các bị cáo mức án nghiêm, các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy nên cần lên hình phạt tù giam cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, cần cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp với quy định của pháp luật để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Trong vụ án trộm cắp tài sản, bị cáo Th có vai trò thứ nhất nhưng bị cáo Th không có tình tiết tăng nặng TNHS mà có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, bị cáo Đ có 01 tình tiết tăng nặng TNHS và ít tình tiết giảm nhẹ TNHS hơn bị cáo Th, nhân thân bị cáo Đ xấu hơn bị cáo Th nên cần quyết định hình phạt cho bị cáo Đ cao hơn bị cáo Th; bị cáo Đ còn phải chịu hình phạt đối với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên cần lên mức án cho từng tội đối với bị cáo Đ. Ngoài ra, bị cáo Đ phạm tội trong thời gian thử thách của Bản án số 15/2017/HSST ngày 09/8/2017 nên bị cáo Đ còn phải chấp hành hình phạt của Bản án đã xử phạt bị cáo 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với anh Nguyễn Bá T khi mua xe, bị cáo Th và bị cáo Đ không nói rõ nguồn gốc chiếc xe nên anh T không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý về hình sự đối với anh T là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Đào Thị Kh và anh Hoàng Văn Th đã nhận lại xe mô tô, không có yêu cầu gì thêm, nên miễn xét.

Đối với anh Nguyễn Bá T đã mua xe của bị cáo Đ và bị cáo Th trộm cắp của chị Đào Thị Kh với số tiền 3.000.000đ và sau đó anh T cho thêm 200.000đ. Quá trình sử dụng xe anh T đã tháo một số phụ tùng của xe bán cho người qua đường nên anh T đã tự nguyện bồi hoàn cho chị Kh số tiền 5.000.000đ. Gia đình bị cáo Th đã bồi hoàn cho anh T số tiền 2.000.000đ, số tiền còn lại là 1.200.000đ anh T

yêu cầu Đ trả lại cho anh. Xét thấy, bị cáo Đ và bị cáo Th bán xe cho anh T, lấy số tiền bán xe mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân chung nên các bị cáo phải chịu chung trách nhiệm, do bị cáo Th đã tự nguyện bồi hoàn cho anh T, số tiền còn lại 1.200.000đ anh T yêu cầu bị cáo Đ phải trả nên cần buộc bị cáo Đ phải bồi hoàn cho anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với anh Trần Văn H yêu cầu bị cáo Đ trả lại số tiền vay 1.000.000đ khi bị cáo Đ cầm cố xe cho anh, xét thấy yêu cầu của anh là phù hợp, cần buộc bị cáo Đ phải trả số tiền trên cho anh.

[6] Về vật chứng vụ án: Xe mô tô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, BKS 36P7-6085 của chị Đào Thị Kh và xe mô tô Honda Wave BKS 36R1-2577 của anh Hoàng Văn Th là vật chứng của vụ án đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn trả lại cho chủ sở hữu là chị Kh và anh Th, nên miễn xét.

[7] Tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

Bản cáo trạng, Quyết định truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với các bị cáo, trước cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, lời nói sau cùng của các bị cáo xin HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho các bị cáo.

Trong hồ sơ vụ án, tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều tuân thủ theo quy định của BLTTHS tại Điều 37, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên và Điều 42 nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST; bị cáo Phạm Hồng Đ còn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 175; Điều 17; Điều 38; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56; Điều 58; khoản 5 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Đ;

- Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, i, s, r khoản 1 Điều 51 Điều 58 BLHS đối với bị cáo Th.

+ Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hồng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Trịnh Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Hồng Đ 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt với 30 tháng tù của Bản án số 15/2017/HSST ngày 09/8/2017 của TAND huyện Nga Sơn, buộc bị cáo Đ phải chấp hành 57 (năm mươi bảy) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 17/11/2019).

- Bị cáo Trịnh Văn Th 09 (chín) tháng tù, hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 17/11/2019).

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584; 585 và 589 BLDS: Buộc bị cáo Phạm Hồng Đ bồi hoàn cho anh Nguyễn Bá T số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng); bồi hoàn cho anh Trần Văn H số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu bị cáo Đ chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đ phải nộp 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST; bị cáo Th phải nộp 200.000đ án phí HSST.

+ Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 BLTTHS: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THDS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Công an huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trung Thu